

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC MÊ  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HS-ST

Ngày 20 - 7 - 2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Khanh.

Bà Nguyễn Hoài Linh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Minh Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang:** Ông Ngô Quang Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2022/TLST-HS ngày 01/7/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo.

- **Bị cáo:** Giàng A S; sinh năm 1987; nơi sinh: Huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng A D (đã chết), và con bà Hạ Thị T, sinh năm 1967; có 02 anh em, bị cáo là con nhất trong gia đình; có vợ Giàng Thị D, sinh năm 1992 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

- **Bị cáo:** Giàng A S; sinh năm 1989; nơi sinh: Huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng A N, sinh năm 1947 và con bà Giàng Thị C, sinh năm 1958; có 11 anh chị em, bị cáo là con 08 trong gia đình; có vợ Giàng Thị T, sinh năm 1993 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

- **Bị cáo:** Giàng Văn M; sinh năm 1992; nơi sinh: Huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng A H, sinh năm 1965 và con bà Giàng Thị D, sinh năm 1973; có 05 anh chị em, bị cáo là con nhất trong gia đình; có vợ Cháng Thị V, sinh năm 1991 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Không; tạm giữ, tạm giam:

Không. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Giàng A S*: Ông Hoàng Ngọc C - Trợ giúp viên pháp lý; nơi công tác: Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang (Vắng mặt có lý do).

- *Người bào chữa cho bị cáo Giàng A S, Giàng Văn M*: Ông Nguyễn Văn L - Trợ giúp viên pháp lý; nơi công tác: Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang (Vắng mặt có lý do).

- *Nguyên đơn dân sự*: Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già thuộc Sở NN&PTNT tỉnh Hà Giang; người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Tiến B - Cán bộ (Có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 02/2021 (không nhớ ngày) Giàng A S, Giàng A S và Giàng Văn M ngồi uống nước tại nhà Sỹ và nói chuyện, Sỹ nói “*không có tiền để sinh hoạt đi lên rừng xẻ thớt không*” Sùng và Minh đồng ý hện nhau hai ngày sau cùng đi lên rừng tìm cây gỗ nghiêng xẻ làm thớt. Giàng A S mang theo 01 máy cưa xăng màu sơn đỏ - đen, Giàng A S mang theo 02 chai nhựa loại 1,5 lít đựng dầu nhớt, đựng xăng và 01 con dao bằng kim loại, Giàng Văn M mang theo 01 chai nhựa loại 1,5 lít đựng nước uống và 01 con dao bằng kim loại cùng nhau đi lên khu rừng đặc dụng là rừng tự nhiên thuộc Thôn K, xã M, huyện B. Mục đích tìm gỗ Nghiến xẻ làm thớt bán lấy tiền tiêu sài. Cả ba xẻ 01 phần thân cây Nghiến còn tươi đứng theo hướng từ dưới lên trên. Phần gỗ được xẻ ra Sỹ, Sùng, Minh thay nhau dùng dao đẽo gọt dạng thớt khoảng 03 giờ xẻ được 20 cục gỗ dạng thớt, đường kính trung bình từ 30cm đến 35cm dày 06cm. Phần thân cây do Sùng, Sỹ, Minh trực tiếp xẻ để khai thác các cục gỗ dạng thớt chiều dài 2,98m, rộng 0,92m, sâu 0,67m khối lượng là 1,225m<sup>3</sup> (*Một phẩy hai trăm hai mươi lăm mét khối*). Sau khi xẻ được số thớt cùng vận chuyển xuống đường mòn cách nhà khoảng 100m cất dấu. Khoảng 02 ngày sau Sùng, Sỹ, Minh bán số thớt cho một người đàn ông (*hiện không xác định được tên tuổi địa chỉ*) được số tiền 1.000.000đ sau đó trừ chi phí tiền xăng dầu cả ba chia nhau mỗi người được 200.000đ.

Ngoài ra trước đó khoảng tháng 10/2020 Giàng A S, Giàng A S, Giàng Văn M cùng với Giàng Văn Thanh và Giàng A Lanh cùng nhau đi lên khu rừng sản xuất thuộc Thôn K, xã M, huyện B cắt hạ 01 cây gỗ Nụ (gỗ thông thường) do bị vỡ tâm để lại hiện trường.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 16/11/2021 và biên bản xác định hiện trường ngày 09/6/2022 xác định.

- 01 cây gỗ Nụ có ký hiệu G01 do Giàng A S, Giàng A S, Giàng Văn M, Giàng Văn Thanh, Giàng A Lanh khai thác khối lượng 1,836m<sup>3</sup> địa phận Thôn K, xã M, huyện B thuộc lô 16a, khoảnh 3, tiểu khu 155 đối tượng đất rừng sản

xuất là rừng tự nhiên (*Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 được UBND tỉnh phê duyệt*) do UBND xã Minh Ngọc, huyện Bắc Mê quản lý.

- 01 cây gỗ Nghiến do Giàng A S, Giàng A S, Giàng Văn M khai thác ký hiệu G02 quá trình khám nghiệm thân cây vẫn còn tươi đứng chưa bị cắt đổ, đường kính trung bình khoảng 02m, chiều dài khoảng 25m đã bị khai thác một phần chiều dài 2,98m x rộng 0,92m, x sâu 0,67m khối lượng 1,225m<sup>3</sup> (gỗ tròn) địa phận Thôn K, xã M, huyện B, thuộc tiểu khu 129G, khoảnh 18, lô 29; Đối tượng rừng: Thuộc rừng đặc dụng là rừng tự nhiên (*Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 được UBND tỉnh phê duyệt*) do Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già là chủ quản lý.

Tại bản kết luận giám định số 606/CNR-VP ngày 23/11/2021 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng kết luận đối với mẫu cần giám định ký hiệu M1 niêm phong trong phòng bì ký hiệu là A2 Tên gỗ: Nghiến, tên khoa học: *Excentrodendron tonkinense* (A.Chev.) H.T.Chang&R.H.Miau, nhóm gỗ: II.

Gỗ Nghiến thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý hiếm Nhóm IIA theo quy định của nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ quy định về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật rừng, thực vật hoang dã nguy cấp

Mẫu ký hiệu M1 niêm phong trong phòng bì ký hiệu là A1. Tên gỗ: Nụ, tên khoa học: *Garcinia tinctoria* (DC) W. Wight.

Gỗ Nụ chưa được xếp nhóm trong “*Bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước*” Ban hành kèm theo quyết định số 2198-CNR ngày 26/11/1997 của Bộ lâm nghiệp - nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Loài gỗ Nụ không nằm trong Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý hiếm ban hành kèm theo quy định của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ và Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ. Do vậy là loài thông thường.

Kết luận định giá tài sản ngày 16/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Mê kết luận 01 phần thân cây gỗ Nghiến khối lượng 1,225m<sup>3</sup> trị giá là 12.444.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 24/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Mê kết luận 01 cây gỗ Nụ khối lượng 1,836m<sup>3</sup> giá trị là 3.672.000đ.

Tại công văn số 22/CV-CQCSĐT ngày 29/6/2021 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Mê đã chuyển 01 cây gỗ Nụ tổng khối lượng 1,836m<sup>3</sup> là gỗ thông thường đến Hạt kiểm lâm huyện Bắc Mê để xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền do Giàng A S, Giàng A S, Giàng Văn M, Giàng Văn Thanh và Giàng A Lanh khai thác tại khu rừng sản xuất là rừng tự nhiên, lý do chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

**Vật chứng thu giữ:** 01 máy cưa xăng nhãn hiệu CHAIN SAW 5900 màu sơn đỏ - đen, không có lam xích, một số bộ phận trên máy đã tháo rời (không

còn giá trị sử dụng); 01 con dao bằng kim loại, cán bằng gỗ dài 43cm, bản rộng nhất của con dao có kích thước 5,5cm (dao cũ đã qua sử dụng).

- Đối với 01 con dao bằng kim loại, 02 chai nhựa dùng để đựng xăng, dầu nhớt và nước uống do đã lâu và không có giá trị sử dụng Giàng Văn M và Giàng A S đã vứt bỏ trong quá trình điều tra không truy thu được.

**Về trách nhiệm dân sự:** Nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo bồi thường 12.444.000đ để nộp vào ngân sách nhà nước. Bị cáo Giàng A S đã bồi thường xong 4.148.000đ; bị cáo Giàng A S đã bồi thường xong 4.148.000đ; bị cáo Giàng Văn M đã bồi thường 500.000đ còn phải bồi thường tiếp số tiền còn lại 3.648.000đ.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKSBM ngày 01/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê truy tố các bị cáo Giàng A S, Giàng A S, Giàng Văn M về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, theo điểm e khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến của phiên tòa, trên cơ sở phân tích các căn cứ quyết định hình phạt theo quy định của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo: Giàng A S, Giàng A S, Giàng Văn M phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

- Hình phạt: Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 232; Điều 50; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt các bị cáo.

Giàng A S từ 14 tháng đến 16 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 28 tháng đến 32 tháng; Giàng A S từ 12 tháng đến 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 28 tháng; Giàng Văn M từ 12 tháng đến 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 28 tháng. Thời hạn tạm giữ tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về hình phạt bổ sung: Không.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già thuộc Sở NN&PTNN tỉnh Hà Giang tổng số tiền 12.444.000đ, trong đó mỗi bị cáo bồi thường 4.148.000đ để nộp sung vào ngân sách nhà nước. Bị cáo Sỹ và bị cáo Sùng đã bồi thường xong, bị cáo Minh đã bồi thường 500.000đ còn phải bồi thường tiếp số tiền còn lại 3.648.000đ.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 máy cưa xăng nhãn hiệu CHAIN SAW 5900 màu sơn đỏ - đen; 01 con dao bằng kim loại, cán bằng gỗ kích thước dài 43cm, bản rộng nhất của con dao có kích thước 5,5cm.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Giàng A S, Giàng A S, Giàng Văn M miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- *Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Giàng A S, Giàng Văn M:* về tội danh Viện kiểm sát truy tố, xét xử về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo điểm e khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự là đúng với quy định của pháp luật. Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sống ở vùng điều kiện kinh tế khó khăn, không có việc làm ổn định, gia đình thuộc hộ nghèo, nhận thức pháp luật có phần hạn chế, lợi dụng công tác quản lý và bảo vệ rừng của lực lượng chức năng đôi lúc còn chưa thường xuyên. Các bị cáo nhất thời phạm tội trong điều kiện kinh tế khó khăn còn bị tập quán lạc hậu sống phụ thuộc vào rừng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm e khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Giàng A S, Giàng Văn M 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Về án phí bị cáo Giàng A S, Giàng Văn M là người dân tộc thiểu số sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc đối tượng Trợ giúp pháp lý. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định, đề nghị miễn toàn bộ án phí cho các bị cáo.

Kiến nghị đối với các ngành chức năng của huyện Bắc Mê, đề nghị tăng cường áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật. Thường xuyên phối hợp với Hạt kiểm lâm huyện, Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng Du Già; UBND xã thuộc vùng đệm của BQL rừng phòng hộ để tuyên truyền, phổ biến, giáo dục Luật bảo vệ và phát triển rừng cho người dân; Giúp nhân dân hiểu biết, nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của việc bảo vệ rừng, từ đó tôn trọng và chấp hành nghiêm Luật Bảo vệ rừng và phát triển rừng. Đối với địa phương cần nghiên cứu, tìm giải pháp tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân sống ở vùng rừng từ nguồn khác bền vững hơn, thông qua việc tổ chức tập huấn kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt, đưa các cây giống có giá trị kinh tế cao vào trồng, theo các mô hình trồng cây đặc sản dưới tán rừng, mô hình nông lâm kết hợp, nâng cao sinh kế cho chủ rừng. Khi đó cuộc sống người dân được cải thiện, sẽ không còn phụ thuộc vào rừng, từ đó sẽ giảm nguy cơ chặt phá, khai thác lâm sản trái phép.

- *Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Giàng A S:* Phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo điểm e khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội đúng quy định. Xét về động cơ mục đích, nguyên nhân điều kiện hoàn cảnh phạm tội. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, không được đi học không biết chữ, hiểu biết pháp luật rất hạn chế, bị cáo là lao động chính trong gia đình 02 con nhỏ. Hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, lại càng khó khăn hơn trong thời kỳ dịch bệnh covid19, vì vậy đã nhất thời nảy sinh ý định lên rừng khai thác lâm sản về làm thớt bán kiếm tiền, cải thiện cuộc sống. Ngoài ra bị cáo không có

động cơ mục đích nào khác. Bị cáo không cắt hạ hoàn toàn cây gỗ nghiêng mà chỉ cắt một phần để xẻ thớt bán, bị cáo cũng có ý thức trong việc hạn chế gây thiệt hại. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Giàng A S 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng. Về án phí bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí, đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định, miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Bị cáo Giàng A S, Giàng Văn M, Giàng A S nhất trí với luận cứ bào chữa không bổ sung thêm gì và thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Đại diện nguyên đơn dân sự nhất trí quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị không có tranh luận gì.

Bị cáo Giàng A S, Giàng A S, Giàng Văn M thực hiện lời nói sau cùng xin được hưởng án treo mức án thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Mê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê, Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, Trợ giúp viên bào chữa cho các bị cáo, nguyên đơn dân sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trợ giúp viên pháp lý vắng mặt tại phiên tòa có lý do gửi Luận cứ bào chữa cho bị cáo Giàng A S, Giàng A S, Giàng Văn M; các bị cáo đồng ý xét xử, xét thấy việc vắng mặt của Trợ giúp viên pháp lý tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử, theo quy định Điều 291 của Bộ luật Tố tụng Hình sự nên Hội đồng xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 02/2021 Giàng A S, Giàng A S và Giàng Văn M khai thác trái phép 01 phần cây gỗ Nghiến còn tươi đứng chiều dài 2,98m x rộng 0,92m, x sâu 0,67m, khối lượng là 1,225m<sup>3</sup> (gỗ tròn) trị giá là 12.444.000 đồng (Mười hai triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Vị trí khai thác thuộc địa phận Thôn K, xã M, huyện B, thuộc tiểu khu 129G, khoảnh 18, lô 29; Đối tượng rừng: Thuộc rừng đặc dụng là rừng tự nhiên (Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 được UBND tỉnh phê

duyet) do Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già là chủ quản lý. Như vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản* theo điểm e khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

### **Điều 232 Bộ luật Hình sự quy định**

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 243 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

*e) Khai thác trái phép rừng đặc dụng là rừng tự nhiên từ 03 mét khối (m<sup>3</sup>) đến dưới 08 mét khối (m<sup>3</sup>) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 01 mét khối (m<sup>3</sup>) đến dưới 03 mét khối (m<sup>3</sup>) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;*

[4] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo biết rằng việc khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý đã xâm phạm đến chế độ quản lý nhà nước về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước; từ việc khai thác lâm sản trái phép làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái tự nhiên, gây ra lụt lội, hạn hán, lũ quét làm ảnh hưởng trực tiếp đến những người dân sinh sống trong vùng. Huyện Bắc Mê đã có nhiều giải pháp quyết liệt tuyên truyền bảo vệ rừng, nhưng tình hình khai thác gỗ trái phép trên địa bàn huyện vẫn diễn ra rất phức tạp. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi khai thác gỗ không có giấy phép là trái pháp luật. Xét về động cơ, mục đích khai thác gỗ xẻ thốt bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo đã bất chấp pháp luật đi lên khu rừng đặc dụng khai thác gỗ. Hậu quả thiệt hại đã khai thác 01 phần cây gỗ nghiêng khối lượng gỗ 1,225m<sup>3</sup> trị giá 12.444.000đồng. Nên cần xử phạt bị cáo bằng chế tài Luật hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội các bị cáo đã gây ra.

[5] Vai trò phạm tội các bị cáo là đồng phạm thuộc trường hợp giản đơn, không có phân vai trò cụ thể từng người tham gia; tính chất mức độ và hậu quả gây thiệt hại cho nhà nước giống nhau. Tuy nhiên xét về vai trò phạm tội bị cáo Giàng A S là người khởi xướng, trong khi ngồi uống nước Sỹ nói chuyện “*không có tiền để sinh hoạt đi lên rừng xẻ thốt bán không*” sau đó Sùng và Minh đồng ý đi xẻ thốt bán, nên hình phạt bị cáo Giàng A S cao hơn so với bị cáo S và M. Đối với bị cáo S, bị cáo M với vai trò hành vi ngang nhau nên hình phạt hai bị cáo bằng nhau.

[6] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng,

tự nguyện bồi thường thiệt hại, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng điều kiện kinh tế khó khăn đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, mà cho bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Nên cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự theo hướng dẫn Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, để tạo điều kiện các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ điều kiện giáo dục và phòng ngừa tội phạm, không gây nguy hiểm cho xã hội và không làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội.

[9] Bị cáo *Giàng A S, Giàng A S, Giàng Văn M* đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hội đồng xét xử, xét thấy các bị cáo xử phạt tù nhưng được hưởng án treo nên hủy bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo quy định tại Điều 125, 278 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số gỗ bị thiệt hại 1,225m<sup>3</sup> trị giá 12.444.000đ để nộp sung vào ngân sách nhà nước. Xét thấy đại diện nguyên đơn dân sự đề nghị là phù hợp được chấp nhận. Buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường tổng 12.444.000đ. Trong đó bị cáo *Giàng A S* và bị cáo *Giàng A S* mỗi bị cáo đã bồi thường xong số tiền 4.148.000đ; bị cáo *Giàng Văn M* bồi thường 4.148.000đ được khấu trừ vào số tiền đã nộp 500.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Mê, nay còn phải bồi thường tiếp số tiền còn lại 3.648.000đ.

[11] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 232 Bộ luật Hình sự thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ”. Tuy nhiên, theo tài liệu, chứng cứ và lời khai tại phiên tòa thì các bị cáo là người dân lao động thuần túy, thu nhập không ổn định thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn không có khả năng thi hành. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[12] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự xử lý như sau: 01 máy cưa xăng nhãn hiệu CHAIN SAW 5900 màu sơn đỏ - đen, không có lam xích, một số bộ phận đã tháo rời không còn giá trị sử dụng và 01 con dao bằng kim loại, cán gỗ dài 43cm không còn giá trị sử dụng tịch thu tiêu hủy là phù hợp. Ngoài ra cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Mê đã chuyển 01 cây gỗ Nụ khối lượng 1,836m<sup>3</sup> đến Hạt kiểm lâm huyện xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền là đúng quy định. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Trong vụ án này còn có đối tượng liên quan: Đối với người mua thớt nghiền 20 cái của các bị cáo, không xác định nhân thân, lai lịch của người này do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Đối với số tiền các bị cáo do bán thớt mà có tổng số tiền 1.000.000đ đã chi tiêu mua thực phẩm phục vụ gia đình hết, xét các bị cáo thuộc hộ nghèo nên không truy thu số tiền do thu lợi bất chính mà có.

[15] Từ những căn cứ trên đại diện Viện Kiểm sát đề nghị là có căn cứ được chấp nhận.

[16] Trợ giúp viên bào chữa cho các bị cáo đề nghị về hình phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, không đảm bảo tính răn đe đối với loại tội phạm này. Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[17] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn có đơn đề nghị miễn nộp án phí. Hội đồng xét xử miễn toàn bộ tiền án phí cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

[18] Quyền kháng cáo: Các bị cáo; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Giàng A S, Giàng A S, Giàng Văn M phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm e, khoản 1, Điều 232; Điều 50; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Giàng A S 14 (Mười bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 28 (Hai mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Giàng A S 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Giàng Văn M 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo *Giàng A S, Giàng A S, Giàng Văn M* cho UBND xã Minh Ngọc, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục.

Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung: Không.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo bồi thường cho

Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang tổng số tiền 12.444.000đ (*Mười hai triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*) để nộp sung vào ngân sách nhà nước; trong đó:

Bị cáo Giàng A S 4.148.000đ được khấu trừ vào số tiền đã nộp 4.148.000đ theo biên lai thu tiền số 0003163 và biên lai thu tiền số 0003167 ngày 20/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Mê.

Bị cáo Giàng A S 4.148.000đ được khấu trừ vào số tiền 4.148.000đ theo biên lai thu tiền số 0003164 và biên lai thu tiền số 0003166 ngày 20/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Mê.

Bị cáo Giàng Văn M 4.148.000đ được khấu trừ vào số tiền đã nộp 500.000đ theo biên lai thu tiền số 0003165 ngày 20/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Mê, nay còn phải bồi thường tiếp số tiền còn lại 3.648.000đ.

*Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 máy cưa xăng nhãn hiệu CHAIN SAW 5900 màu sơn đỏ - đen, không có lam xích, một số bộ phận trên máy đã tháo rời (không còn giá trị sử dụng); 01 con dao bằng kim loại, cán bằng gỗ kích thước dài 43cm, bản rộng nhất của con dao có kích thước 5,5cm (dao cũ đã qua sử dụng).

*(Tình trạng như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/7/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Mê với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Mê).*

6. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Giàng A S, Giàng A S, Giàng Văn M được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự có giá ngạch.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện + VKSND tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện B;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan THAHS CA huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các bị cáo; nguyên đơn dân sự;
- UBND xã M.
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Dương Văn Công**